THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 879/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển ngành công nghiệp trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế dân doanh và đầu tư nước ngoài;

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, trọng tâm trước mắt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, trên cơ sở nguồn nhân lực chất lượng cao và công nghệ tiên tiến, lấy cạnh tranh là động lực phát triển;

c) Khai thác các lợi thế sẵn có và cơ hội quốc tế; gắn kết sản xuất với dịch vụ, thương mại, chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp thế giới;

d) Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia;

đ) Phát triển công nghiệp trên cơ sở tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

2. Chiến lược phát triển công nghiệp

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài để phát triển, tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có kỹ năng, có kỷ luật, có năng lực sáng tạo; Ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, điện tử, viễn thông, năng lượng mới và tái tạo, cơ khí chế tạo và hóa dược; Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Các nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển như sau:

a) Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ôtô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo. Sau năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: đóng tầu, kim loại màu và vật liệu mới.

- Nhóm ngành Hóa chất

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên hóa chất cơ bản, hóa dầu và sản xuất linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển nhóm ngành hóa dược.

- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm, thủy sản

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản, thủy hải sản chủ lực và chế biến gỗ phù hợp với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình sản xuất, chế biến nông sản, xây dựng thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giầy

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên sản xuất nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giầy cao cấp.

b) Ngành Điện tử và Viễn thông

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện. Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin và điện tử y tế.

c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

Giai đoạn đến năm 2025 thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo như gió, mặt trời, biomass; Giai đoạn sau năm 2025 phát triển năng lượng

nguyên tử vì mục đích hòa bình, ưu tiên phát triển các dạng năng lượng tái tạo như địa nhiệt, sóng biển...

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2025, công nghiệp Việt Nam phát triển với cơ cấu hợp lý theo ngành và lãnh thổ, có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số chuyên ngành, lĩnh vực, có khả năng đáp ứng cơ bản các yêu cầu của nền kinh tế và xuất khẩu; đội ngũ lao động có đủ trình độ đáp ứng nhu cầu của nền sản xuất hiện đại.

- Đến năm 2035, công nghiệp Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế; đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có kỷ luật và có năng suất cao, chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 6,5 - 7,0%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 7,0 - 7,5%/năm và giai đoạn 2026 - 2035 đạt 7,5 - 8,0%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2020 đạt 12,5 - 13,0%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11,0 - 12,5%/năm và giai đoạn 2026 - 2035 đạt 10,5 - 11,0%/năm.

- Phấn đấu đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 42 - 43%, năm 2025 chiếm 43 - 44% và năm 2035 chiếm 40 - 41% trong cơ cấu kinh tế cả nước.

- Tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu/tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 85 - 88%, sau năm 2025 đạt trên 90%.

- Giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt khoảng 45% tổng GDP, sau năm 2025 đạt trên 50%.

- Chỉ số ICOR công nghiệp giai đoạn 2011 - 2025 đạt 3,5 - 4,0%; giai đoạn 2026 - 2035 đạt 3,0 - 3,5% .

- Hệ số đàn hồi năng lượng/GDP năm 2015 đạt 1,5; năm 2020 đạt 1,0 và đến năm 2035 duy trì ở mức 0,6 - 0,8, tiệm cận với các nước trong khu vực.

- Tỷ lệ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp gia tăng bình quân trong khoảng 4 - 4,5%/năm.

4. Định hướng

a) Đến năm 2025

- Từng bước điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chủ yếu dựa trên số lượng sang dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh phát triển các

ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí, hóa chất, điện tử viễn thông phục vụ sản xuất công nghiệp, đồng thời tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu.

- Tăng cường phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ an ninh, quốc phòng. Từng bước phát triển công nghiệp vật liệu mới và công nghiệp môi trường.

- Tăng cường phát triển các ngành công nghiệp theo hướng kết hợp mô hình liên kết ngang và liên kết dọc.

- Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp, đảm bảo phù hợp giữa các vùng trên toàn quốc, giải quyết tình trạng mật độ công nghiệp cao ở một số khu vực, bảo đảm cân đối và hài hòa giữa các vùng và địa phương.

- Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên tại các vùng công nghiệp lõi được hình thành từ mỗi vùng kinh tế trọng điểm và các khu kinh tế ven biển; Chuyển dịch các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, công nghiệp sơ chế, công nghiệp hỗ trợ từ các vùng công nghiệp lõi sang các vùng công nghiệp đệm.

b) Đến năm 2035

Công nghiệp Việt Nam phát triển thân thiện với môi trường, công nghiệp xanh, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp có công nghệ tiên tiến, các sản phẩm của công nghiệp có thương hiệu uy tín, có chất lượng và giá trị cao, mang tính khu vực và quốc tế, có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng tiêu chuẩn của các nước phát triển và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Giải pháp thực hiện

a) Nhóm giải pháp đột phá

- Đổi mới thể chế phát triển công nghiệp

+ Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước nhằm khắc phục, hạn chế sự chồng chéo, bảo đảm chính sách ổn định, nhất quán và đơn giản về thủ tục hành chính khuyến khích phát triển sản xuất.

+ Tăng cường công tác điều phối phát triển theo ngành, vùng và lãnh thổ, nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành nhằm liên kết có hiệu quả giữa các địa phương trong phát triển công nghiệp.

+ Phân cấp hợp lý để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển công nghiệp.

+ Tạo sự bình đẳng giữa các khu vực kinh tế, đặc biệt tập trung nâng cao hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế tư nhân thông qua việc thực thi có hiệu quả việc bảo hộ quyền sở hữu và bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực.

+ Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chuẩn, định mức kỹ thuật phù hợp với chuẩn mực quốc tế

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

+ Tái cơ cấu ngành công nghiệp và tái cấu trúc doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo Đề án đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh kịp thời phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước phù hợp với tình hình cụ thể; hoàn thiện và ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước theo ngành nghề, lĩnh vực.

+ Xây dựng cơ chế và lộ trình phát triển số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến nâng tỷ trọng doanh nghiệp lớn và vừa trong cơ cấu hệ thống doanh nghiệp cả nước.

- Phát triển nguồn nhân lực

+ Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp ưu tiên theo từng giai đoạn cụ thể.

+ Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đào tạo ở tất cả các cấp, trước mắt là tiêu chuẩn kỹ năng nghề theo chuẩn quốc tế.

+ Đổi mới chương trình đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề; Đẩy mạnh hợp tác giữa các cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, tham vấn nội dung chương trình đào tạo, tăng cường thời lượng thực hành.

+ Hoàn thiện thị trường lao động, dịch vụ giới thiệu việc làm.

- Giải pháp về công nghệ

+ Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với những ngành công nghiệp chủ lực, mũi nhọn và công nghiệp ưu tiên.

+ Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ có đủ năng lực tiếp thu làm chủ công nghệ mới, sáng tạo công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên.

+ Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

+ Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) để có thể tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo một số sản phẩm công nghệ cao, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các đối tác chiến lược.

b) Nhóm giải pháp dài hạn

- Cơ chế thu hút đầu tư

+ Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi, thông thoáng gắn với công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn vốn trong xã hội và đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quy mô đầu tư cả về nguồn vốn và phạm vi.

+ Kêu gọi các tập đoàn lớn, đa quốc gia tham gia đầu tư các dự án quan trọng trong danh mục dự án trọng điểm quốc gia kêu gọi FDI.

+ Củng cố và nâng cao vai trò hoạt động của các tổ chức Hiệp hội ngành nghề, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ; tăng cường tổ chức việc liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài để hợp tác cùng tham gia trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu.

- Phát triển thị trường

Đối với thị trường đầu ra: bên cạnh những thị trường truyền thống như Trung Quốc và các nước Đông Á, ASEAN, Mỹ, EU đẩy mạnh khai thác các thị trường lớn, tiềm năng đang phát triển như các nước nhóm BRIC (trong đó có Braxin, Nga, Ấn Độ).

Đối với thị trường đầu vào: về nguồn vốn: tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ các nước Đông Á, Mỹ, ASEAN; về công nghệ: chú trọng thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn từ Mỹ, Nhật Bản, EU.

- Điều chỉnh chất lượng tăng trưởng công nghiệp

+ Thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút đầu tư, chính sách tài chính tiền tệ, chính sách lao động, tiền lương,.. để nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp thông qua việc ban hành và công bố danh mục các ngành công nghiệp được khuyến khích đầu tư, các ngành công nghiệp bị kiểm soát và hạn chế đầu tư, danh mục các sản phẩm, chi tiết được thụ hưởng các hỗ trợ về tài chính. Đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu công nghệ thông qua các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, chủng loại công nghệ được phép nhập khẩu.

+ Đưa chỉ tiêu giá trị tăng thêm (VA) vào hệ thống chỉ tiêu báo cáo, đánh giá hàng năm của các doanh nghiệp, các ngành, hình thành các chỉ tiêu bình quân ngành làm cơ sở cho các doanh nghiệp so sánh, phân tích và phấn đấu thực hiện.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ

+ Lựa chọn các nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn.

+ Xây dựng cơ chế và chính sách ưu đãi cụ thể cho các khu, cụm công nghiệp chuyên sâu và khu, cụm công nghiệp hỗ trợ. Ở từng thời điểm cần có những cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với tình hình phát triển của ngành.

- Điều chỉnh cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ

+ Tăng cường sự liên kết giữa các địa phương trong vùng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng cho phát triển các ngành công nghiệp.

+ Ban hành chính sách khuyến khích hình thành các cụm liên kết ngành (cluster) theo các lĩnh vực công nghiệp có lợi thế, đặc biệt tại các vùng công nghiệp lõi và công nghiệp đệm.

+ Xây dựng và triển khai các dự án phát triển công nghiệp quy mô vùng, ưu tiên các dự án phát triển công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ cao (cơ khí chế tạo, tin học, điện tử, thông tin truyền thông....).

- Phát triển hệ thống dịch vụ công nghiệp

+ Hoàn thiện hạ tầng cho phát triển công nghiệp đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng chung của cả nước, đặc biệt tập trung phát triển hệ thống logistic.

+ Phát triển mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư công nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống công nghiệp Việt Nam (bao gồm cả hệ thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ) phục vụ cho việc hoạch định, điều chỉnh chính sách và cung cấp thông tin cho các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

+ Tiếp tục cải cách các thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện thông thoáng và giảm chi phí cho các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Giải pháp về môi trường

+ Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lấy phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm làm nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

+ Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường kết hợp với xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nhằm động viên sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân trong việc quản lý môi trường, bảo vệ tài nguyên và khai thác, sử dụng lâu bền các kết cấu hạ tầng xử lý chất thải.

c) Giải pháp phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Ngành Chế biến, chế tạo

+ Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

. Lựa chọn và tập trung đầu tư có trọng điểm cho một số đơn vị nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực thiết kế đáp ứng yêu cầu phát triển.

. Đầu tư phát triển sản xuất thép chế tạo cho ngành cơ khí: thép tấm, thép hình, thép hợp kim.

+ Nhóm ngành Hóa chất

. Đầu tư tập trung cho những công trình trọng điểm, ưu tiên nhóm sản phẩm hóa dầu.

. Đối với lĩnh vực hóa dược tập trung nghiên cứu các loại dược liệu từ thiên nhiên để sản xuất các loại tá dược và vitamin phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong nước, tiến tới xuất khẩu ở giai đoạn sau.

+ Nhóm ngành Chế biến nông, lâm, thủy sản

. Khuyến khích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu nuôi trồng quy mô lớn, bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn cho công nghiệp chế biến.

. Ưu tiên sản phẩm chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng cho nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

+ Nhóm ngành Dệt may, Da giầy

. Thực hiện đa dạng hóa sản xuất sản phẩm và chủ động phát triển nguồn nguyên phụ liệu.

. Đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu truyền thống; phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương; thúc đẩy các thị trường tiềm năng như Nga, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi; xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ mang thương hiệu Việt Nam.

- Ngành Điện tử và Viễn thông

+ Khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa.

+ Phát triển các lĩnh vực mang tính lưỡng dụng phục vụ quốc phòng như điện tử điều khiển tên lửa hành trình, điện tử viễn thông do thám, tìm kiếm; điện tử trong các thiết bị bay không người lái...

- Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

+ Tăng cường phối hợp với các quốc gia và các tổ chức quốc tế để phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, từng bước làm chủ công nghệ.

+ Tập trung ứng dụng công nghệ cao cho nguồn phát điện năng lượng mặt trời, gió, biogas, biomas, địa nhiệt…, đối với năng lượng vì mục đích hòa bình tiếp tục nghiên cứu về an toàn hạt nhân và các công nghệ điện nguyên tử phổ biến hiện nay.

6. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương liên quan xác định vùng công nghiệp lõi, vùng công nghiệp đệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ thông qua để triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách phù hợp thúc đẩy phát triển công nghiệp.

b) Các Bộ, ngành liên quan

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính xây dựng các chính sách nhằm tăng cường khả năng thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp; cân đối vốn đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho phát triển công nghiệp.

- Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách tài chính để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao, chủ trì lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất công nghiệp theo từng thời kỳ; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật lao động ở các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp; Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các khu công nghiệp.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương xây dựng các chương trình, chính sách phát triển, bảo đảm nguồn nguyên liệu ổn định về số lượng và chất lượng cho công nghiệp chế biến.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phát triển công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ sản xuất công nghiệp trong nước và tham gia vào chuỗi cung ứng khu vực và trên thế giới.

- Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường: Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương và các địa phương nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng các vùng kinh tế phù hợp với nguồn lực, tiềm năng và định hướng phát triển công nghiệp;

Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường công nghiệp.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương triển khai thực hiện các giải pháp về khoa học công nghệ nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam; xây dựng chính sách đổi mới và ứng dụng công nghệ; đánh giá trình độ công nghệ.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp, góp phần giảm dần tỷ lệ nhập siêu.

- Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan trong chiến lược.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và điều chỉnh các quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn phù hợp Chiến lược này.

- Các địa phương thuộc vùng lõi (4 vùng kinh tế trọng điểm và 5 khu kinh tế biển được ưu tiên phát triển): Rà soát lại cơ cấu công nghiệp tại địa phương và trong phạm vi toàn vùng, nghiên cứu xem xét cơ hội phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên tại vùng, hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp trong vùng.

- Các địa phương khác nằm trong vùng đệm, chuẩn bị các nguồn lực cần thiết (nhân lực, quỹ đất...) đón nhận sự chuyển dịch công nghiệp từ các địa phương trong vùng lõi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các ngành công nghiệp ưu tiên	(Dự báo) Tỷ trọng GTSX trong toàn ngành CN (%)				Lĩnh vực công nghiệp ưu tiên đến năm 2025 (12)	Định hướng ưu tiên đến năm 2035 (5)
		2010	2015	2025	2035		
1	Chế tạo, chế biến	55,84	61,79	72,74	74,61	(1) Máy móc và thiết bị phục vụ nông nghiệp, (2) Đóng tàu, (3) Ô tô và phụ tùng cơ khí, (4) Thép chế tạo, (5) Hóa dầu, (6) Nhựa - cao su kỹ thuật, (7) Hóa dược (kháng sinh, tá dược, vitamin), (8) Chế biến nông, lâm, thủy sản, (9) Nguyên, phụ liệu cho ngành may mặc, giày dép phục vụ XK	(1) Kim loại màu và vật liệu mới, (2) Hóa dược (vắc xin), (3) Quần áo thời trang, giày cao cấp
2	Điện tử và Viễn thông	3,54	6,80	7,54	10,75	(10) Thiết bị thông tin viễn thông, (11) Linh kiện điện tử, (12) Phần mềm công nghiệp	(4) Điện tử y tế
3	Năng lượng mới và năng lượng tái tạo	4,22	5,85	6,90	8,64	(13) Năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình	(5) Năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, địa nhiệt, sóng biển)